

Số: 58/2018/QĐST-HNGĐ

B, ngày 25 tháng 5 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 233/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017 giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị Kim D**, sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn 2, xã X, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn 2, xã X, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Trần Thị Kim D** và anh **Nguyễn Minh T**.

2- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1- Về quan hệ hôn nhân:

Chị **Trần Thị Kim D** và anh **Nguyễn Minh T** thuận tình ly hôn.

2.2- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu **Nguyễn Minh C1**, sinh ngày 04/02/2012 và cháu **Nguyễn Tâm C2**, sinh ngày 19/03/2016 cho chị **Trần Thị Kim D** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên; Giao 01 con chung là cháu **Nguyễn Minh C3**, sinh ngày 28/7/2013 cho anh **Nguyễn Minh T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3- Về tài sản chung: Chị Trần Thị Kim D và anh Nguyễn Minh T tự thỏa thuận chia, không yêu cầu giải quyết.

2.4- Về nợ chung: Chị Trần Thị Kim D và anh Nguyễn Minh T thống nhất có nợ của ông Trần Văn N, sinh năm: 1958, địa chỉ: Thôn Tân Bình 1, xã Y, Thành phố K, tỉnh Lâm Đồng số tiền 100.000.000đ. Do ông N không khởi kiện nên Tòa án không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì ông N sẽ khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

2.5- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

Chị Trần Thị Kim D phải nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0004984 ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Chị Trần Thị Kim D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

3- Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4- Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND, TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND, Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Y, TP K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Đức Trường